

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2020
“V/v Ly hôn giữa chị L và anh B”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hiền L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số n khu phố x, phường ĐH, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ mới: m NĐC, phường ĐH, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: Ấp T.S, xã ĐY, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp XD, xã ĐY, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Hiền L có mặt, anh B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị Hiền L trình bày như sau:

Chị L và anh B tự nguyện chung sống với nhau trong thời gian 03 năm, đến ngày 29/6/2015 anh chị đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường ĐH, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Sau một thời gian chung sống giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có cách sống và quan điểm sống khác nhau xuất phát từ sự khác biệt về phong tục vùng miền và tôn giáo. Chị L là người gốc Huế theo đạo Thiên Chúa còn anh B là người miền Tây theo đạo Phật, do đó trong sinh hoạt có những bất đồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân với nhau khoảng 04 năm. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị L xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 23/8/2015 hiện đang sống với mẹ. Từ khi vợ chồng ly thân anh B không tới lui thăm con chung. Chị L có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao khai sinh của cháu Nguyễn Hoàng Thiên A; giấy chứng minh nhân dân (Bản công chứng). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng chị L và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị thường xuyên cự cãi cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc hiện tại đã sống ly thân. Sau khi vợ chồng ly thân con sống với mẹ có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường.

Tại phiên tòa hôm nay chị L tiếp tục xin ly hôn với anh B, xin được quyền nuôi

con mà không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị L xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (Nguyên đơn) đảm bảo đúng theo quy định, đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn với anh B; đề nghị áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa anh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị L xin ly hôn và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Chị L và anh B chung sống với nhau có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ĐH, thị xã D, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B vắng mặt đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Qua lời trình bày của chị L và kết quả xác minh từ địa phương có cơ sở để xác định đời sống vợ chồng giữa chị L và anh B đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sự khác biệt bởi phong tục, tập quán vùng miền và tôn giáo nên giữa vợ chồng thường xuyên cự cãi vì bất đồng trong cách sống, cách sinh hoạt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng đã tự sống ly thân mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải đoàn tụ nhưng anh B không chấp hành theo thông báo Tòa án, không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L đều xin được ly hôn. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị L và anh B chung sống có một con chung là Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 23/8/2015.

Qua kết quả xác minh, cho thấy: Sau khi ly thân con chung sống với chị L, quá trình nuôi dưỡng con chị L đảm bảo cho con có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường, hiện nay chị L đi làm thuê có thu nhập và có khả năng để nuôi dạy con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh B không có ý kiến gì về việc chị L có yêu cầu được nuôi con chung. Nhận thấy việc giao con chung cho chị L nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho cháu bé được quan tâm, chăm sóc và phát triển tốt hơn. Do đó, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị L, thống nhất giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên A cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh chị đều có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có nợ, các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, khi có các yêu cầu hay tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị L và anh B vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị L là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên là có cơ sở và căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét trong phần nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hiền L đối với anh Nguyễn Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hiền L và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên A, sinh ngày 23/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Hiền L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hiền L về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, khi có các yêu cầu hay tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị L và anh B vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hiền L có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008447 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Hiền L đã nộp đủ án phí.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND phường ĐH;
- Lưu, HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm